

(không được để ra ngoài mạch). Mỗi lần tiêm 0,25mg, ngày tiêm 0,5mg, cách 12 giờ tiêm 1 lần - Liều tối đa 1 lần/0,5mg, 24giờ/1mg.

**Chống chỉ định** : Nhồi máu cơ tim- Viêm màng trong tim cấp-Dùng đồng thời với digitalin (phai nghi thuốc digitalin, ít nhất 3 ngày.)

**Lưu ý** : *Tránh pha lẫn với các thuốc khác. Giảm liều nếu suy thận, suy hô hấp nặng vì gây giảm oxy máu.*

### Oxyboldin

**Dạng thuốc** : Viên sủi bọt có :

<i>Boldin</i>	0,0096mg
<i>Na sulfat khan</i>	0,54g
<i>Mononatri phosphat</i>	1,32mg
<i>Natri bicarbonat</i>	1,450g

**Tác dụng** : Thông mật. kháng acid, nhuận tràng.

**Chỉ định** : Khó tiêu, trướng bụng, ợ, đầy hơi, buồn nôn, khó tiêu. Rối ống thực quản, thượng vị.

**Liều dùng** : Uống 1 viên x 3 lần vào sáng, trưa, chiều hoặc vào lúc đau, khó chịu.

**Lưu ý** : *Tránh dùng nếu tắc đường mật - Có thể bị ỉa chảy (giảm liều).*

### Ozothine (Pháp)

**Dạng thuốc** : Ống tiêm chứa 0,2% oxy hóa của tinh dầu thông, trong dung dịch glucose đẳng trương. Ống 10ml (người lớn), 5ml (trẻ em từ 1-6 tuổi), 2ml (trẻ em dưới 6 tuổi).

Siro, cứ 100ml có 0,2g các dẫn chất oxy hóa trên đây kèm 500mg dionin HCl, 7g Natri benzoat, 9g cồn 95° và 0,6g tinh dầu bạc hà - Lọ 125ml

**Tác dụng** : Sát khuẩn đường hô hấp, làm lỏng dịch tiết ở phế quản, tăng cường cung cấp oxy cho máu và các mô.

**Chỉ định** : Các bệnh đường hô hấp cấp hoặc mạn, nhiễm khuẩn (có hoặc không phối hợp với kháng sinh) - Phòng bội nhiễm sau phẫu thuật phổi. Các bệnh đường hô hấp trên (Tai mũi họng).

**Liều dùng** : Tiêm tĩnh mạch hoặc bắp thịt 1-2 ống/ngày.

Siro : Người lớn uống ngày 3 lần, mỗi lần 1 thìa canh. Trẻ em từ 4-15 tuổi uống 3 lần, mỗi lần 1 thìa cà phê.

## P

### Paikinese (Pháp)

**Dạng thuốc** : Ống thuốc mỡ có 15g, có 5% cao tinh chế papain tan trong nước và 1,5% bacitracin (tương ứng với 50 đvqt/mg).

**Tác dụng** : Phối hợp thuốc kháng khuẩn với tác nhân làm sạch, mau lành vết thương.

**Chỉ định** : Vết thương nhiễm khuẩn, áp xe, đầu đinh, hậu bối, viêm tấy. Rửa vết thương với nước muối đẳng trương, thấm khô, bôi 1 lớp mỏng thuốc, thay băng 1-2 lần/24giờ.

### Pancreabil

**Dạng thuốc** : Viên nén bọc.

*Nội mô tử mật (phun xương)* 192mg  
*Fenocinol* 20mg

**Tác dụng** : Phối hợp dạng thuốc phù tạng với thuốc chống co thắt ống dẫn mật.

**Chỉ định** : Rối loạn chậm tiêu, kèm cảm giác đau : đầy bụng, ợ, buồn nôn...

**Liều dùng** : Ngày uống 3 lần, mỗi lần 2viên, vào bữa ăn.

### Pancreatin

**Biệt dược** : *Creon (Pháp)*

*Festale N(Roussel VN)*

*Nezym forte (Đức)*

*Neo-Panpur (Hungari)*

**Dạng thuốc** : Viên nén, viên nang hay gói thuốc bột chứa 300-500mg hoặc 1g pancreatin.

**Tác dụng** : Là dạng thuốc bào chế từ tuyến tụy của lợn, bò... dưới hình thức bột màu trắng hoặc vàng nhạt, chứa các men tiêu hóa ở tụy, như : trypsin, amylase và lipase.

**Chỉ định** : Các chứng đầy bụng, chậm tiêu do suy tuyến tụy ở một số bệnh như viêm tụy, rối loạn gan- mật

**Liều dùng** : Người lớn, ngày uống 0.5-3g.